

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2024/TLST-DS ngày 06/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2025/QĐST-DS ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1985; Cư trú: Khu B, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phú Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (theo văn bản ngày 13/11/2024) (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Đoàn P, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1980; Cùng cư trú: Số B, đường Đ, tổ A, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (bà T có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Phú Đ trình bày:

Vào ngày 25/10/2023, bà Nguyễn Thị Kim A có cho vợ chồng ông Trần Đoàn P, bà Nguyễn Thị Như T vay số tiền gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu

đồng). Khi vay, hai bên có lập “giấy mượn tiền” ghi ngày 25/10/2023, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng, lãi 1,5%/tháng, mục đích để sử dụng cho gia đình ông P, khi vay ông P, bà T có giao cho bà A một bản chính giấy đăng ký mô tô, xe máy xe số 028499, biển số đăng ký 60B8-08881 giữ làm tin. Đến nay ông P mới thanh toán cho bà A được 03 tháng lãi là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) còn gốc và lãi từ tháng 02/2024 đến nay chưa trả. Tính đến ngày 25/3/2025, ông P và bà T còn nợ bà A là 90.933.000 đồng (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc 80.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.600.000 đồng (03 tháng x 1,5%/tháng x 80.000.000 đồng) và lãi chậm thanh toán từ tháng 5/2024 đến tháng 3/2025 tính tròn là 7.333.000 đồng (11 tháng x 10%/năm x 80.000.000 đồng). Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi đến nay là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với giấy đăng ký mô tô, xe máy xe số 028499 trong vụ án này.

Nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Như T trình bày: Bà T có biết ông Trần Đoàn P vay của bà Nguyễn Thị Kim A số tiền gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để trả nợ của gia đình, nhiều lần bà A đến nhà yêu cầu trả số tiền trên thì bà T có xin trả dần số tiền gốc nhưng bà A không đồng ý. Khi vay, hai bên có lập “giấy mượn tiền” ghi ngày 25/10/2023, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng, lãi 1,5%/tháng, mục đích để trả nợ của gia đình, khi vay ông P, bà T có giao cho bà A một bản chính giấy đăng ký mô tô, xe máy xe số 028499, biển số đăng ký 60B8-08881 giữ làm tin. Đến nay ông P đã thanh toán cho bà A được 03 tháng lãi là 3.600.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn nên bà A xin được trả dần số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và xin bà A miễn tiền lãi cho vợ chồng bà. Bị đơn không yêu cầu giải quyết đối với giấy đăng ký mô tô, xe máy xe số 028499 trong vụ án này.

Bị đơn không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn ông Trần Đoàn P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cần đảm bảo về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án này; Buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Đoàn P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 02/2024 đến nay là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 90.000.000 đồng. Nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp cho Tòa án 01 bản photo giấy đăng ký mô tô, xe máy số 028499 đứng tên ông Trần Đoàn P; 01 bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 25/10/2023.

2.2 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, vào ngày 25/10/2023, bà Nguyễn Thị Kim A có cho vợ chồng ông Trần Đoàn P, bà Nguyễn Thị Như T vay số tiền gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên có lập “giấy mượn tiền” ghi ngày 25/10/2023, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng, lãi 1,5%/tháng, mục đích để ông P trả nợ của gia đình, khi vay ông P, bà T có giao cho bà A một bản chính giấy đăng ký mô tô, xe máy xe số 028499, biển số đăng ký 60B8-08881 giữ làm tin. Đến nay ông P mới thanh toán cho bà A được 03 tháng lãi là 3.600.000 đồng còn gốc và lãi từ tháng 02/2024 đến nay chưa trả. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T liên đới trả cho bà A tổng số tiền gốc và lãi tính đến nay là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) thì bà T đồng ý trả dần số tiền gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) cho bà A và xin nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi cho vợ chồng bà T.

Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết đối với giấy đăng ký mô tô, xe máy xe số 028499 trong vụ án này.

Từ những phân tích trên cho thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn bà T và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.500.000 đồng theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6; Điều 26; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng); Bao gồm: Nợ gốc: 80.000.000 đồng và nợ lãi 10.000.000 đồng; Nghĩa vụ liên đới nêu trên của ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T là bằng nhau.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên, nếu ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T chậm trả tiền thì hàng tháng ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T phải nộp 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Đoàn P và bà Nguyễn Thị Như T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí.

H lại cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.252.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000158 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu